|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN LONG BIÊN**TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ** **NĂM HỌC 2023 - 2024** | **MỤC TIÊU, MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ** **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I****MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6****Thời gian làm bài: 60 phút** *Ngày kiểm tra: 28/12/2023* |

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực:**

- Tự học, tái hiện, phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá các vấn đề lịch sử.

- Năng lực tư duy tổng hợp kiến thức.

- Năng lực tính toán, phân tích số liệu

- Rèn luyện kĩ năng phát hiện, vận dụng những kiến thức đã học vào bài làm, kĩ năng xác định và trả lời đúng câu hỏi.

- Rèn kĩ năng phân tích, xác định, khai thác thông tin trên lược đồ.

**2. Phẩm chất:**

**-** Giúp HS có nhận thức đúng đắn về lịch sử, biết rút ra bài học bổ ích cho bản thân và cố gắng vư­ơn lên trong học tập.

- Trung thực: học sinh có thái độ nghiêm túc khi làm bài, yêu thích môn học.

**II- MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN LỊCH SỬ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức, tổng điểm** | **Tổng %điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Ấn Độ cổ đại | 1.1. Điều kiện tự nhiên hình thành nền văn minh Ấn Độ1.2. Xã hội Ấn Độ cổ đại1.3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ | **2TN** |  | **1TN** |  |  |  |  |  | **7.5%****(0.75 điểm)** |
| **2** | Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | 1.1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại1.2. Nhà Tần thống nhất và xác lập chế độ phong kiến Trung Quốc1.3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc | **4TN** |  | **1 TN** |  |  |  |  |  | **12.5%****(1.25 điểm)** |
| **3** | Hy Lạp và La Mã cổ đại | 1.1. Điều kiện tự nhiên của La Mã và Hy Lạp1.2. Nhà nước dân chủ Hy Lạp cổ đại và nhà nước đế chế La Mã1.3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu. | **2TN** |  |  | **1TL** |  | **1TL** |  | **1TL** | **30%****(3.5 điểm)** |
| **Tỉ lệ** | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50%** |

**PHẦN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu****(TL)** | **Vận dụng****(TL)** | **Vận dụng cao****(TL)** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| 1 | **Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất** | – Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ– Các yếu tố cơ bản của bản đồ– Các loại bản đồ thông dụng– Lược đồ trí nhớ | 2 TN |  |  |  |  |  |  |  | 0,5(5%) |
| 2 | **Trái Đất – Hành tinh trong hệ Mặt Trời** | – Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời– Hình dạng, kích thước Trái Đất– Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí | 2 TN\* 2 TN\* |  | 2TN |  |  | 1TL\*1TL\* |  |  1TL | 2,0(20%) |
| 3 | **Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất**  | – Cấu tạo của Trái Đất– Các mảng kiến tạo– Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này– Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi– Các dạng địa hình chính– Khoáng sản | 1 TN2 TN1 TN |  |  | 1TL |  |  |  |  | 2,5(25%) |
| **Tỉ lệ** | 20% | 15% | 10% | 5% | 50% |
| **Tổng hợp chung** | **40%** **(4 điểm)** | **30%** **(3 điểm)** | **20%** **(2 điểm)** | **10%** **(1 điểm)** | **100% (10****điểm)** |

**III. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN LỊCH SỬ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần** **kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận****biết** | **Thông****hiểu** | **Vận****Dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | Ấn Độ cổ đại | 1.1. Điều kiện tự nhiên hình thành nền văn minh Ấn Độ1.2. Xã hội Ấn Độ cổ đại1.3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ | -Nhận biết:+ Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên dẫn đến hình thành nền văn minh Ấn Độ+ Nêu được 1 số nét tiêu biểu về xã hội Ấn Độ cổ đại (chế độ đẳng cấp)-Thông hiểu:+ Trình bày được 1 số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Ấn Độ | **2TN** | **1TN** |  |  |
| 2 | Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII | 1.1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại1.2. Nhà Tần thống nhất và xác lập chế độ phong kiến Trung Quốc1.3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc | -Nhận biết:+ Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên dẫn đến hình thành nền văn minh Trung Quốc+ Nêu được xã hội Trung Quốc thời Tần+ Nêu được 1 số thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc-Thông hiểu:+ Phân biêt được đặc điểm giai cấp, tầng lớp xã hội Trung Quốc. | **4TN** | **1 TN** |  |  |
| 3 | Hy Lạp và La Mã cổ đại | 1.1. Điều kiện tự nhiên của La Mã và Hy Lạp1.2. Nhà nước dân chủ Hy Lạp cổ đại và nhà nước đế chế La Mã1.3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu. | -Nhận biết, thông hiểu:+ Nêu và phân tích được những nét chính về điều kiện tự nhiên dẫn đến hình thành nền văn minh Hy Lạp, La Mã+ Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu Hy Lạp, La Mã-Vận dụng, vận dụng cao:+ Liên hệ những thành tựu còn tồn tại đến ngày nay | **2TN** | **1TL** | **1TL** | **1TL** |
| **Số câu/ loại câu** |  | **8TN** | **2TN****1TL** | **1TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận biết** |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |

**PHẦN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | **Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất** | – Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu– Những điều lí thú khi học môn Địa lí– Địa lí và cuộc sống | **Nhận biết**Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.– Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.**Thông hiểu**– Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.**Vận dụng**- Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. – Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. – Biết tìm đường đi trên bản đồ.– Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. | 2 TN |  |  |  |
| 2 | **Trái Đất – Hành tinh trong hệ Mặt Trời** | – Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ– Các yếu tố cơ bản của bản đồ– Các loại bản đồ thông dụng– Lược đồ trí nhớ  | **Nhận biết**– Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.– Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.– Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời. **Thông hiểu**– Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ).– Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau– Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.**Vận dụng**– Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.– So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. | 2 TN\* 2 TN\* |     |   |  |
| 3 | **Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất**  | – Cấu tạo của Trái Đất– Các mảng kiến tạo– Hiện tượng động đất, núi lửa và sức phá hoại của các tai biến thiên nhiên này– Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi– Các dạng địa hình chính– Khoáng sản | **Nhận biết**– Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp.– Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa – Kể được tên một số loại khoáng sản. **Thông hiểu**– Nêu được nguyên nhân của hiện tượng động đất và núi lửa. – Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh: Khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện, kết quả.– Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi.**Vận dụng**– Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. **Vận dụng cao**– Tìm kiếm được thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.– Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng.Dựa vào kiến thức thực tế dể nhận biết vật dụng hàng ngày được làm từ khoáng sản | 1 TN2 TN1 TN | 2TN1TL |  1 TL\*1 TL\* | 1 TL\* |
| **Số câu/ loại câu** |  | **8 câu****TNKQ** | **2TN - 1 câu****TL** | **1 câu****TL** | **1 câu****TL** |
| **Tỉ lệ %** |  | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** |
| **Tổng hợp chung** |  | **40%** | **30%** | **25%** | ***5%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC: 2023–2024** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****MÔN: Lịch sử và Địa lí 6***Thời gian làm bài: 60 phút*Ngày KT: 28/12/2023 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:..................................................................... | Lớp............... | **Mã đề 101** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:*

**Câu 1. Xã hội Ấn Độ cổ đại được chia làm mấy đẳng cấp khác nhau?**

 **A.** 4 đẳng cấp. **B.** 3 đẳng cấp. **C.** 2 đẳng cấp. **D.** 5 đẳng cấp.

**Câu 2. Từ rất sớm, người Ấn Độ cổ đại đã có chữ viết riêng, đó là**

 **A.** chữ Phạn. **B.** chữ tượng hình. **C.** chữ Nho. **D.** chữ Hin-đu.

**Câu 3. Dưới thời kì nhà Tần, Trung Quốc *không có* thành phần xã hội nào dưới đây?**

 **A.** Quý tộc. **B.** Lãnh chúa.

 **C.** Nông dân lĩnh canh. **D.** Địa chủ.

**Câu 4. Đâu *không phải* là một trong tứ đại phát minh của Trung Quốc cổ đại?**

 **A.** La bàn. **B.** Chữ cái Latinh. **C.** Kĩ thuật in. **D.** Thuốc súng.

**Câu 5. Chế độ phong kiến ở Trung Quốc được hình thành dưới triều đại nào?**

 **A.** Nhà Hán. **B.** Nhà Thương. **C.** Nhà Chu. **D.** Nhà Tần.

**Câu 6. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ để cày cấy và phải nộp địa tô cho địa chủ, được gọi là**

 **A.** nông dân lĩnh canh. **B.** nông dân làm thuê.

 **C.** nông dân tự canh. **D.** nông nô.

**Câu 7. Ở Trung Quốc công trình quân sự phòng ngự nổi tiếng được tiếp tục xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là**

 **A.** Vạn Lý Trường Thành. **B.** Ngọ Môn.

 **C.** Tử Cấm Thành. **D.** Luy Trường Dục.

**Câu 8. Với nhiều vũng, vịnh kín gió là điều kiện đặc biệt thuận lợi để cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại phát triển ngành kinh tế nào?**

 **A.** Nông nghiệp trồng lúa. **B.** Thương nghiệp đường biến.

 **C.** Thủ công nghiệp. **D.** Nông nghiệp trồng cây lâu năm.

**Câu 9. Hai con sông gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền văn minh Ấn Độ là**

 **A.** sông Nin và sông Ti-gơ-rơ. **B.** sông Ấn và sông Hằng.

 **C.** sông Hoàng Hà và Trường Giang. **D.** sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát.

**Câu 10. Các quốc gia cổ đại Hy Lạp và La Mã được hình thành ở đâu?**

 **A.** Ở vùng ven biển, trên các bán đảo và đảo.

 **B.** Trên lưu vực các dòng sông lớn.

 **C.** Trên các đồng bằng lớn.

 **D.** Trên các cao nguyên.

**Câu 11. Sự di chuyển của các địa mảng là nguyên nhân gây ra loại thiên tai nào sau đây?**

 **A.** Lũ quét, sạt lở đất. **B.** Bão, dông lốc.

 **C.** Núi lửa, động đất. **D.** Lũ lụt, hạn hán.

**Câu 12. Trái Đất chuyển động quanh xung quanh Mặt Trời theo hướng từ**

 **A.** Tây sang Đông. **B.** Đông sang Tây.

 **C.** Bắc xuống Nam. **D.** Tây Bắc - Đông Nam.

**Câu 13. Thời gian Trái Đất quay một vòng quanh mặt trời là:**

 **A.** 366 ngày **B.** 365 ngày 6 giờ **C.** 365 ngày **D.** 24 giờ

**Câu 14. Hiện tượng nào sau đây *không* phải do quá trình nội sinh gây ra?**

 **A.** Động đất. **B.** Núi lửa. **C.** Bồi tụ. **D.** Tạo núi.

**Câu 15. Địa hình trên bề mặt Trái Đất là kết quả tác động của:**

 **A.** Nội lực và ngoại lực. **B.** Động đất, núi lửa

 **C.** Xâm thực, bào mòn **D.** Ngoại lực

**Câu 16. Lớp man-ti tồn tại ở trạng thái**

 **A.** lỏng. **B.** khí. **C.** quánh dẻo. **D.** rắn.

**Câu 17. Núi lửa và động đất là hệ quả của**

 **A.** sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

 **B.** sự chuyển động của Trái Đất quanh trục.

 **C.** sự di chuyển của các địa mảng.

 **D.** lực Cô-ri-ô-lít.

**Câu 18. Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?**

 **A.** 3. **B.** 5. **C.** 4. **D.** 2.

**Câu 19. Trái Đất có dạng hình gì?**

 **A.** Hình tam giác. **B.** Hình cầu. **C.** Hình tròn. **D.** Hình vuông.

**Câu 20. Khoáng sản nào dưới đây thuộc nhóm khoáng sản năng lượng (nhiên liệu)?**

 **A.** Than đá, dầu mỏ. **B.** Muối mỏ, apatit. **C.** Sắt, mangan. **D.** Đồng, chì.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 ĐIỂM)**

**Câu 1 *(1 điểm):*** Theo em, điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp cổ đại?

**Câu 2 *(1.5 điểm):*** Bằng những kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

a. Nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại?

b. Nêu ít nhất 1 thành tựu văn hóa của Hy Lạp hoặc La Mã cổ đại còn được bảo tồn, ứng dụng đến ngày nay?

**Câu 3: (1,5 điểm)**

a. Trình bày đặc điểm của các dạng địa hình chính trên Trái Đất.

b. Nêu tên 2 trận động đất lớn trên thế giới đã trở thành thảm họa thiên nhiên.

**Câu 4: (1,0 điểm)**

Nêu vai trò của lớp vỏ Trái Đất đối với đời sống và hoạt động của con người?

***----------------- Chúc các em làm bài tốt!----------------***

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC: 2023–2024** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****MÔN: Lịch sử và Địa lí 6***Thời gian làm bài: 60 phút*Ngày KT: 28/12/2023 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:..................................................................... | Lớp............... | **Mã đề 102** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:*

**Câu 1. Chế độ phong kiến ở Trung Quốc được hình thành dưới triều đại nào?**

 **A.** Nhà Thương. **B.** Nhà Chu. **C.** Nhà Hán. **D.** Nhà Tần.

**Câu 2. Đâu *không phải* là một trong tứ đại phát minh của Trung Quốc cổ đại?**

 **A.** Kĩ thuật in. **B.** Thuốc súng. **C.** Chữ cái Latinh. **D.** La bàn.

**Câu 3. Dưới thời kì nhà Tần, Trung Quốc *không có* thành phần xã hội nào dưới đây?**

 **A.** Quý tộc. **B.** Địa chủ.

 **C.** Lãnh chúa. **D.** Nông dân lĩnh canh.

**Câu 4. Ở Trung Quốc công trình quân sự phòng ngự nổi tiếng được tiếp tục xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là**

 **A.** Tử Cấm Thành. **B.** Luy Trường Dục.

 **C.** Ngọ Môn. **D.** Vạn Lý Trường Thành.

**Câu 5. Các quốc gia cổ đại Hy Lạp và La Mã được hình thành ở đâu?**

 **A.** Trên các đồng bằng lớn.

 **B.** Trên các cao nguyên.

 **C.** Trên lưu vực các dòng sông lớn.

 **D.** Ở vùng ven biển, trên các bán đảo và đảo.

**Câu 6. Xã hội Ấn Độ cổ đại được chia làm mấy đẳng cấp khác nhau?**

 **A.** 3 đẳng cấp. **B.** 5 đẳng cấp. **C.** 4 đẳng cấp. **D.** 2 đẳng cấp.

**Câu 7. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ để cày cấy và phải nộp địa tô cho địa chủ, được gọi là**

 **A.** nông dân tự canh. **B.** nông nô.

 **C.** nông dân làm thuê. **D.** nông dân lĩnh canh.

**Câu 8. Với nhiều vũng, vịnh kín gió là điều kiện đặc biệt thuận lợi để cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại phát triển ngành kinh tế nào?**

 **A.** Thủ công nghiệp. **B.** Nông nghiệp trồng lúa.

 **C.** Thương nghiệp đường biến. **D.** Nông nghiệp trồng cây lâu năm.

**Câu 9. Hai con sông gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền văn minh Ấn Độ là**

 **A.** sông Ấn và sông Hằng. **B.** sông Nin và sông Ti-gơ-rơ.

 **C.** sông Hoàng Hà và Trường Giang. **D.** sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát.

**Câu 10. Từ rất sớm, người Ấn Độ cổ đại đã có chữ viết riêng, đó là**

 **A.** chữ Nho. **B.** chữ Hin-đu. **C.** chữ tượng hình. **D.** chữ Phạn.

**Câu 11. Sự di chuyển của các địa mảng là nguyên nhân gây ra loại thiên tai nào sau đây?**

 **A.** Bão, dông lốc. **B.** Lũ quét, sạt lở đất.

 **C.** Lũ lụt, hạn hán. **D.** Núi lửa, động đất.

**Câu 12. Hiện tượng nào sau đây *không* phải do quá trình nội sinh gây ra?**

 **A.** Động đất. **B.** Núi lửa. **C.** Tạo núi. **D.** Bồi tụ.

**Câu 13. Núi lửa và động đất là hệ quả của**

 **A.** sự di chuyển của các địa mảng.

 **B.** sự chuyển động của Trái Đất quanh trục.

 **C.** lực Cô-ri-ô-lít.

 **D.** sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

**Câu 14. Trái Đất có dạng hình gì?**

 **A.** Hình cầu. **B.** Hình tròn. **C.** Hình tam giác. **D.** Hình vuông.

**Câu 15. Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?**

 **A.** 4. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 5.

**Câu 16. Khoáng sản nào dưới đây thuộc nhóm khoáng sản năng lượng (nhiên liệu)?**

 **A.** Sắt, mangan. **B.** Đồng, chì. **C.** Muối mỏ, apatit. **D.** Than đá, dầu mỏ.

**Câu 17. Thời gian Trái Đất quay một vòng quanh mặt trời là:**

 **A.** 365 ngày **B.** 366 ngày **C.** 365 ngày 6 giờ **D.** 24 giờ

**Câu 18. Địa hình trên bề mặt Trái Đất là kết quả tác động của:**

 **A.** Xâm thực, bào mòn **B.** Nội lực và ngoại lực.

 **C.** Ngoại lực **D.** Động đất, núi lửa

**Câu 19. Lớp man-ti tồn tại ở trạng thái**

 **A.** khí. **B.** rắn. **C.** quánh dẻo. **D.** lỏng.

**Câu 20. Trái Đất chuyển động quanh xung quanh Mặt Trời theo hướng từ**

 **A.** Bắc xuống Nam. **B.** Tây sang Đông.

 **C.** Tây Bắc - Đông Nam. **D.** Đông sang Tây.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 ĐIỂM)**

**Câu 1 *(1 điểm):*** Theo em, điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp cổ đại?

**Câu 2 *(1.5 điểm):*** Bằng những kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

a. Nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại?

b. Nêu ít nhất 1 thành tựu văn hóa của Hy Lạp hoặc La Mã cổ đại còn được bảo tồn, ứng dụng đến ngày nay?

**Câu 3: (1,5 điểm)**

a. Trình bày đặc điểm của các dạng địa hình chính trên Trái Đất.

b. Nêu tên 2 trận động đất lớn trên thế giới đã trở thành thảm họa thiên nhiên.

**Câu 4: (1,0 điểm)**

Nêu vai trò của lớp vỏ Trái Đất đối với đời sống và hoạt động của con người?

***----------------- Chúc các em làm bài tốt!----------------***

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC: 2023–2024** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****MÔN: Lịch sử và Địa lí 6***Thời gian làm bài: 60 phút*Ngày KT: 28/12/2023 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:..................................................................... | Lớp............... | **Mã đề 103** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:*

**Câu 1. Xã hội Ấn Độ cổ đại được chia làm mấy đẳng cấp khác nhau?**

 **A.** 5 đẳng cấp. **B.** 3 đẳng cấp. **C.** 2 đẳng cấp. **D.** 4 đẳng cấp.

**Câu 2. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ để cày cấy và phải nộp địa tô cho địa chủ, được gọi là**

 **A.** nông dân lĩnh canh. **B.** nông dân tự canh.

 **C.** nông dân làm thuê. **D.** nông nô.

**Câu 3. Ở Trung Quốc công trình quân sự phòng ngự nổi tiếng được tiếp tục xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là**

 **A.** Tử Cấm Thành. **B.** Vạn Lý Trường Thành.

 **C.** Luy Trường Dục. **D.** Ngọ Môn.

**Câu 4. Với nhiều vũng, vịnh kín gió là điều kiện đặc biệt thuận lợi để cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại phát triển ngành kinh tế nào?**

 **A.** Nông nghiệp trồng cây lâu năm. **B.** Thương nghiệp đường biến.

 **C.** Nông nghiệp trồng lúa. **D.** Thủ công nghiệp.

**Câu 5. Từ rất sớm, người Ấn Độ cổ đại đã có chữ viết riêng, đó là**

 **A.** chữ Nho. **B.** chữ Phạn. **C.** chữ tượng hình. **D.** chữ Hin-đu.

**Câu 6. Đâu *không phải* là một trong tứ đại phát minh của Trung Quốc cổ đại?**

 **A.** La bàn. **B.** Kĩ thuật in. **C.** Chữ cái Latinh. **D.** Thuốc súng.

**Câu 7. Hai con sông gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền văn minh Ấn Độ là**

 **A.** sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát. **B.** sông Hoàng Hà và Trường Giang.

 **C.** sông Ấn và sông Hằng. **D.** sông Nin và sông Ti-gơ-rơ.

**Câu 8. Các quốc gia cổ đại Hy Lạp và La Mã được hình thành ở đâu?**

 **A.** Ở vùng ven biển, trên các bán đảo và đảo.

 **B.** Trên các cao nguyên.

 **C.** Trên các đồng bằng lớn.

 **D.** Trên lưu vực các dòng sông lớn.

**Câu 9. Chế độ phong kiến ở Trung Quốc được hình thành dưới triều đại nào?**

 **A.** Nhà Chu. **B.** Nhà Thương. **C.** Nhà Tần. **D.** Nhà Hán.

**Câu 10. Dưới thời kì nhà Tần, Trung Quốc *không có* thành phần xã hội nào dưới đây?**

 **A.** Nông dân lĩnh canh. **B.** Địa chủ.

 **C.** Quý tộc. **D.** Lãnh chúa.

**Câu 11. Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?**

 **A.** 3. **B.** 2. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 12. Địa hình trên bề mặt Trái Đất là kết quả tác động của:**

 **A.** Xâm thực, bào mòn **B.** Nội lực và ngoại lực.

 **C.** Động đất, núi lửa **D.** Ngoại lực

**Câu 13. Sự di chuyển của các địa mảng là nguyên nhân gây ra loại thiên tai nào sau đây?**

 **A.** Núi lửa, động đất. **B.** Bão, dông lốc.

 **C.** Lũ lụt, hạn hán. **D.** Lũ quét, sạt lở đất.

**Câu 14. Trái Đất chuyển động quanh xung quanh Mặt Trời theo hướng từ**

 **A.** Tây sang Đông. **B.** Tây Bắc - Đông Nam.

 **C.** Đông sang Tây. **D.** Bắc xuống Nam.

**Câu 15. Lớp man-ti tồn tại ở trạng thái**

 **A.** quánh dẻo. **B.** lỏng. **C.** rắn. **D.** khí.

**Câu 16. Thời gian Trái Đất quay một vòng quanh mặt trời là:**

 **A.** 365 ngày **B.** 365 ngày 6 giờ **C.** 366 ngày **D.** 24 giờ

**Câu 17. Trái Đất có dạng hình gì?**

 **A.** Hình cầu. **B.** Hình tròn. **C.** Hình vuông. **D.** Hình tam giác.

**Câu 18. Khoáng sản nào dưới đây thuộc nhóm khoáng sản năng lượng (nhiên liệu)?**

 **A.** Đồng, chì. **B.** Than đá, dầu mỏ. **C.** Sắt, mangan. **D.** Muối mỏ, apatit.

**Câu 19. Núi lửa và động đất là hệ quả của**

 **A.** lực Cô-ri-ô-lít.

 **B.** sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

 **C.** sự di chuyển của các địa mảng.

 **D.** sự chuyển động của Trái Đất quanh trục.

**Câu 20. Hiện tượng nào sau đây *không* phải do quá trình nội sinh gây ra?**

 **A.** Tạo núi. **B.** Núi lửa. **C.** Bồi tụ. **D.** Động đất.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 ĐIỂM)**

**Câu 1 *(1 điểm):*** Theo em, điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp cổ đại?

**Câu 2 *(1.5 điểm):*** Bằng những kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

a. Nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại?

b. Nêu ít nhất 1 thành tựu văn hóa của Hy Lạp hoặc La Mã cổ đại còn được bảo tồn, ứng dụng đến ngày nay?

**Câu 3: (1,5 điểm)**

a. Trình bày đặc điểm của các dạng địa hình chính trên Trái Đất.

b. Nêu tên 2 trận động đất lớn trên thế giới đã trở thành thảm họa thiên nhiên.

**Câu 4: (1,0 điểm)**

Nêu vai trò của lớp vỏ Trái Đất đối với đời sống và hoạt động của con người?

***----------------- Chúc các em làm bài tốt!----------------***

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC: 2023–2024** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I****MÔN: Lịch sử và Địa lí 6***Thời gian làm bài: 60 phút*Ngày KT: 28/12/2023 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên:..................................................................... | Lớp............... | **Mã đề 104** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)**

*Ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng đầu ý kiến thức trả lời em cho là đúng:*

**Câu 1. Với nhiều vũng, vịnh kín gió là điều kiện đặc biệt thuận lợi để cư dân Hy Lạp và La Mã cổ đại phát triển ngành kinh tế nào?**

 **A.** Thủ công nghiệp. **B.** Thương nghiệp đường biến.

 **C.** Nông nghiệp trồng cây lâu năm. **D.** Nông nghiệp trồng lúa.

**Câu 2. Nông dân bị mất ruộng, trở nên nghèo túng, phải nhận ruộng của địa chủ để cày cấy và phải nộp địa tô cho địa chủ, được gọi là**

 **A.** nông nô. **B.** nông dân lĩnh canh.

 **C.** nông dân làm thuê. **D.** nông dân tự canh.

**Câu 3. Ở Trung Quốc công trình quân sự phòng ngự nổi tiếng được tiếp tục xây dựng dưới thời nhà Tần có tên gọi là**

 **A.** Luy Trường Dục. **B.** Vạn Lý Trường Thành.

 **C.** Ngọ Môn. **D.** Tử Cấm Thành.

**Câu 4. Các quốc gia cổ đại Hy Lạp và La Mã được hình thành ở đâu?**

 **A.** Trên lưu vực các dòng sông lớn.

 **B.** Trên các cao nguyên.

 **C.** Ở vùng ven biển, trên các bán đảo và đảo.

 **D.** Trên các đồng bằng lớn.

**Câu 5. Dưới thời kì nhà Tần, Trung Quốc *không có* thành phần xã hội nào dưới đây?**

 **A.** Quý tộc. **B.** Lãnh chúa.

 **C.** Nông dân lĩnh canh. **D.** Địa chủ.

**Câu 6. Hai con sông gắn liền với sự hình thành và phát triển của nền văn minh Ấn Độ là**

 **A.** sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát. **B.** sông Hoàng Hà và Trường Giang.

 **C.** sông Ấn và sông Hằng. **D.** sông Nin và sông Ti-gơ-rơ.

**Câu 7. Chế độ phong kiến ở Trung Quốc được hình thành dưới triều đại nào?**

 **A.** Nhà Tần. **B.** Nhà Chu. **C.** Nhà Thương. **D.** Nhà Hán.

**Câu 8. Đâu *không phải* là một trong tứ đại phát minh của Trung Quốc cổ đại?**

 **A.** La bàn. **B.** Thuốc súng. **C.** Kĩ thuật in.  **D.** Chữ cái Latinh.

**Câu 9. Từ rất sớm, người Ấn Độ cổ đại đã có chữ viết riêng, đó là**

 **A.** chữ Hin-đu. **B.** chữ tượng hình. **C.** chữ Nho. **D.** chữ Phạn.

**Câu 10. Xã hội Ấn Độ cổ đại được chia làm mấy đẳng cấp khác nhau?**

 **A.** 3 đẳng cấp. **B.** 5 đẳng cấp. **C.** 4 đẳng cấp. **D.** 2 đẳng cấp.

**Câu 11. Địa hình trên bề mặt Trái Đất là kết quả tác động của:**

 **A.** Nội lực và ngoại lực. **B.** Xâm thực, bào mòn

 **C.** Động đất, núi lửa **D.** Ngoại lực

**Câu 12. Sự di chuyển của các địa mảng là nguyên nhân gây ra loại thiên tai nào sau đây?**

 **A.** Núi lửa, động đất. **B.** Lũ quét, sạt lở đất.

 **C.** Bão, dông lốc. **D.** Lũ lụt, hạn hán.

**Câu 13. Lớp man-ti tồn tại ở trạng thái**

 **A.** quánh dẻo. **B.** rắn. **C.** lỏng. **D.** khí.

**Câu 14. Thời gian Trái Đất quay một vòng quanh mặt trời là:**

 **A.** 365 ngày 6 giờ **B.** 24 giờ **C.** 366 ngày **D.** 365 ngày

**Câu 15. Trái Đất chuyển động quanh xung quanh Mặt Trời theo hướng từ**

 **A.** Bắc xuống Nam. **B.** Đông sang Tây.

 **C.** Tây sang Đông. **D.** Tây Bắc - Đông Nam.

**Câu 16. Hiện tượng nào sau đây *không* phải do quá trình nội sinh gây ra?**

 **A.** Bồi tụ. **B.** Tạo núi. **C.** Động đất. **D.** Núi lửa.

**Câu 17. Trái Đất có dạng hình gì?**

 **A.** Hình cầu. **B.** Hình tam giác. **C.** Hình vuông. **D.** Hình tròn.

**Câu 18. Cấu tạo bên trong của Trái Đất gồm mấy lớp?**

 **A.** 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

**Câu 19. Khoáng sản nào dưới đây thuộc nhóm khoáng sản năng lượng (nhiên liệu)?**

 **A.** Sắt, mangan. **B.** Muối mỏ, apatit. **C.** Đồng, chì. **D.** Than đá, dầu mỏ.

**Câu 20. Núi lửa và động đất là hệ quả của**

 **A.** sự chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

 **B.** lực Cô-ri-ô-lít.

 **C.** sự di chuyển của các địa mảng.

 **D.** sự chuyển động của Trái Đất quanh trục.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (5 ĐIỂM)**

**Câu 1 *(1 điểm):*** Theo em, điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp cổ đại?

**Câu 2 *(1.5 điểm):*** Bằng những kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy:

a. Nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại?

b. Nêu ít nhất 1 thành tựu văn hóa của Hy Lạp hoặc La Mã cổ đại còn được bảo tồn, ứng dụng đến ngày nay?

**Câu 3: (1,5 điểm)**

a. Trình bày đặc điểm của các dạng địa hình chính trên Trái Đất.

b. Nêu tên 2 trận động đất lớn trên thế giới đã trở thành thảm họa thiên nhiên.

**Câu 4: (1,0 điểm)**

Nêu vai trò của lớp vỏ Trái Đất đối với đời sống và hoạt động của con người?

***----------------- Chúc các em làm bài tốt!----------------***

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN LONG BIÊN****TRƯỜNG THCS BỒ ĐỀ****NĂM HỌC 2023- 2024** | **HƯỚNG DẪN CHẤM** **BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I****MÔN: Lịch sử và Địa lí 6** |

**I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm/20 câu):**Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

|  |
| --- |
| **ĐỀ 101** |
|  **Câu** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **Đáp án** | **A** | **A** | **B** | **B** | **D** | **A** | **A** | **B** | **B** | **A** |
|  **Câu** | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Đáp án** | **C** | **A** | **B** | **C** | **A** | **D** | **C** | **A** | **B** | **A** |

**ĐỀ 102**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Câu** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **Đáp án** | **D** | **C** | **C** | **D** | **D** | **C** | **D** | **C** | **A** | **D** |
|  **Câu** | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Đáp án** | **D** | **D** | **A** | **A** | **C** | **D** | **C** | **B** | **B** | **B** |

**ĐỀ 103**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Câu** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **Đáp án** | **D** | **A** | **B** | **B** | **B** | **C** | **C** | **A** | **C** | **D** |
|  **Câu** | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **A** | **A** | **C** | **B** | **A** | **B** | **C** | **C** |

**ĐỀ 104**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Câu** | *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **Đáp án** | **B** | **B** | **B** | **C** | **B** | **C** | **A** | **D** | **D** | **C** |
|  **Câu** | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* | *19* | *20* |
| **Đáp án** | **A** | **A** | **B** | **A** | **C** | **A** | **A** | **B** | **D** | **C** |

**II. TỰ LUẬN: 5,0 điểm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Thang điểm** |
|  | **PHẦN LỊCH SỬ** |  |
| **1****(1 điểm)** | HS nêu được những đặc điểm đặc biệt về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp:+ Đường bờ biển có nhiều vũng, vịnh 🡪 thuận lợi xây dựng các hải cảng 🡪 tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế thương nghiệp (buôn bán bằng đường biển).+ Nhiều khoáng sản 🡪 phát triển kinh tế thủ công nghiệp | **0.5****0.5** |
| **2 (a)** | **HS nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại:**- Chữ viết và chữ số: chữ Latinh và chữ số La Mã- Văn học: đa dạng về thể loại, tiêu biểu là thần thoại, kịch, thơ: *sử thi I-li-át và Ô-đi-xê của Hô-me,….*- Lịch: sáng tạo ra Dương Lịch- Khoa học: là quê hương của các nhà khoa học nổi tiếng: Pi-ta-go, Ta-lét, Ác-si-mét,…- Kiến trúc và điêu khắc: Đấu trường Cô-li-dê (đấu trường La Mã); Đền Pác-tê-nông, Lực sĩ ném đĩa,….- Sử học: các nhà sử học nổi tiếng: Hê-rô-đốt; Tuy-xi-dít,… | **0.25****0.25****0.25****0.25** |
| **2 (b)** | HS nêu được ít nhất 1 thành tựu văn hóa của Hy Lạp và La Mã còn được ứng dụng hoặc bảo tồn đến ngày nay trong số các thành tựu sau:+ Chữ Latinh, số La Mã+ Dương lịch,+ Đấu trường Cô-li-dê (La Mã)+ Định lí, công thức toán học,…. | **0.5** |
| **PHẦN ĐỊA LÍ** |
| **3****(1,5đ)** | **a. Trình bày đặc điểm của các dạng địa hình chính trên Trái Đất (1đ)**- Núi: nhô cao rõ rệt so với mặt nước biển là từ 500m trở lên. Núi có đỉnh nhọn, sườn dốc- Đồi: độ cao của đồi so với vùng đất xung quanh không quá 200m. Đồi có đỉnh tròn, sườn thoải.- Cao nguyên: khá bằng phẳng hoặc gợn sóng, thường cao trên 500m so với mực nước biển, có sườn dốc.- Đồng bằng: có dạng địa hình thấp có bề mặt bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng. Độ cao của đồng bằng là dưới 200m so với mực nước biển.**b. Nêu tên 2 trận động đất lớn trên thế giới đã trở thành thảm họa thiên nhiên (0,5đ)****-** Trận động đất Tứ Xuyên, Trung Quốc (2008).**-** Trận động đất Nhật Bản (2011). | **0,25****0,25****0,25****0,25****0,25****0,25** |
| **4****(1,0đ)** | - Lớp vỏ Trái Đất là nơi tồn tại các thành phần tự nhiên khác của Trái Đất như: không khí, nước, các sinh vật, đất đai… và cũng là nơi sinh sống, hoạt động của cả xã hội loài người. Nếu thiếu lớp vỏ Trái Đất, con người và các loài sinh vật khác không thể tồn tại được. | **1.0đ** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **BGH DUYỆT TỔ TRƯỞNG NTCM GV RA ĐỀ** **Lý Thị Hậu** **Đỗ Thị Phương Mai Lê Thị Yến Nguyễn Thị Vân** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I- LỊch sỬ9****Năm hỌc 2020 – 2021****Tiết theo PPCT: Tiết 9** **Thời gian làm bài: 45’** **Ngày kiểm tra: 3 /11/2021** |  | **Mã đề thi 132** |